UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1879 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 26 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình tu sửa hư hỏng kè Vĩnh Yên đoạn từ K3+754-K3+957, đê tả sông Mã, xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí tu sửa, khắc phục các công trình bị thiệt hại do thiên tai cuối năm 2018 và năm 2019 từ nguồn của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo kết quả thẩm định số 1663/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 08/5/2020 và Tờ trình số 438/TTr-CCTL ngày 08/5/2020 của Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ) về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình tu sửa hư hỏng kè Vĩnh Yên đoạn từ K3+754-K3+957, đê tả sông Mã, xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình tu sửa hư

hỏng kè Vĩnh Yên đoạn từ K3+754-K3+957, đê tả sông Mã, xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc, với những nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Tu sửa hư hỏng kè Vĩnh Yên đoạn từ K3+754-K3+957, đê tả sông Mã, xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc.

2. Tên chủ đầu tư: Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa.

3. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và xây dựng Đại Thanh.

4. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo an toàn cho công trình, chủ động ứng phó với mưa, lũ năm 2020.

5. Quy mô đầu tư và các thông số thiết kế chủ yếu:

5.1. Quy mô đầu tư:

- Tần suất mực nước kiệt thiết kế kè: P = 95%.
- Tần suất đảm bảo phòng, chống lũ: P = 1%.
- Hệ số ổn định cho phép: [K] ≥ 1,2.

5.2. Các thông số thiết kế chủ yếu:

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số
1	Chiều dài tuyến kè thiết kế	m	121,8
2	Cao trình đỉnh đống đá chân kè	m	+6.80
3	Chiều rộng đống đá chân kè phần mở rộng	m	(1,5÷4,5)
4	Hệ số mái chân kè		1,5

6. Nội dung đầu tư và giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

6.1. Nội dung đầu tư: Tu sửa đống đá chân kè với chiều dài 121,8 m; điểm đầu tuyến tại cọc 12 (tương ứng K3+835,2) và điểm cuối tuyến tại cọc 24 (tương ứng K3+957), đê tả sông Mã.

6.2. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

- Vị trí, hướng tuyến kè: Theo hướng tuyến kè Vĩnh Yên đoạn từ K3+754-K3+957, đê tả sông Mã hiện có.

- Trên cơ sở hiện trạng giữ nguyên gia cố đỉnh và mái kè; mở rộng mặt đống đá chân kè bằng đá hộc thả rối; mặt và mái đống đá chân kè phần mở rộng từ cao trình đỉnh đống đá (+6.80) m xuống đến cao trình (+6.30) m bằng đá hộc lát khan dày 30 cm chêm chèn chặt.

- Tu sửa 3 vị trí mặt cơ kè bị bong lốc bằng đá hộc xếp khan chêm chèn chặt dày trung bình 30 cm.

- Dốc phục vụ thi công tại cọc 20 (tương ứng K3+917, đê tả sông Mã): Mặt dốc bằng đất, chiều rộng mặt $B_{dốc}$ = 4 m, hệ số mái ta luy đào, đắp m = 1,5.

7. Loại, cấp công trình: Công trình đê điều, cấp IV.

8. Địa điểm xây dựng: Xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc.

9. Diện tích sử dụng đất: Xây dựng trên diện tích công trình hiện có.

10. Tổng mức đầu tư: 750,0 triệu đồng;

Trong đó:

Chi phí xây dựng: 631,2 triệu đồng;

Chi phí quản lý dự án: 16,3 triệu đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD: 82,7 triệu đồng;
Chi phí khác: 14,0 triệu đồng;
Chi phí dự phòng: 5,8 triệu đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

11. Nguồn vốn đầu tư: Từ Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng năm 2014; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, yêu cầu Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo kết quả thẩm định số 1663/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 08/5/2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc; Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, NN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Nguyễn Đức Quyền

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Công trình tu sửa hư hỏng kè Vĩnh Yên đoạn từ K3+754-K3+957, đê tả sông Mã, xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi phí	Cách tính	Tổng mức đầu tư
I	**Chi phí xây dựng (Gxd)**		**631,2**
	Xây lát kè		631,165
II	**Chi phí quản lý dự án**	3,108% x 0,8 x Gxd/1,1	**16,3**
III	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**		**82,7**
1	Chi phí khảo sát xây dựng	QĐ số 1104/QĐ-UBND ngày 30/3/2020	25,360
2	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật		38,130
3	Chi phí giám sát khảo sát xây dựng		1,033
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2,598% x Gxd	18,218
IV	**Chi phí khác**		**14,0**
1	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	0,019% x TMĐT	0,143
2	Chi phí bảo hiểm công trình	1,04% x Gxd	6,564
3	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan nhà nước	Tạm tính	3,000
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,570% x (TMĐT-DP)	4,242
V	**Chi phí dự phòng**		**5,8**
1	Dự phòng khối lượng phát sinh	0,78% x (I+II+III+IV)	5,839
	Tổng cộng		**750,0**